TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Công Lương**

2. Ông **Nguyễn Thị Cúc**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lành**, Thư ký Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:* Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tường V** – sinh năm: 19xx.

Nơi thường trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q. (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh N** - sinh năm: 19xx.

Nơi đăng ký cư trú: Thôn V, xã V, huyện Vĩ, tỉnh B. Nơi cư trú hiện nay: K40/H7/x đường N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 09/02/2023, Bản tự khai ngày 01/6/2023, nguyên đơn là bà Trần Thị Tường V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tường V và ông Nguyễn Thành N đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q (Số xx/202x ngày 25 tháng 6 năm 202x). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ bà V tại thôn Phước H, xã B, huyện B, tỉnh Q đến cuối năm 2020 thì vợ chồng chuyển ra Đà Nẵng làm việc và sinh sống tại K40/H7/x đường N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do con thì còn nhỏ nhưng ông N không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hơn, tháng 7/2021 thành phố Đà Nẵng bùng dịch covid, vợ chồng về nhà cha mẹ bà V sinh sống nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 10/2021 đến nay ông N lại ra Đà Nẵng làm việc và sinh sống tại K40/H7/x đường N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bà V và con vẫn sinh sống tại nhà cha mẹ bà V, từ năm 2021 đến nay ông N không có trách nhiệm đối với vợ con mặc dù con phải điều trị bệnh lâu dài. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông N không thể hàn gắn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Tường V xác định bà và ông Nguyễn Thanh N có 01 con chung tên là Nguyễn Trần T– sinh ngày 29 tháng 5 năm 202x. Ly hôn, bà V yêu cầu bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Tường V xác định bà và ông Nguyễn Thanh N không có tài sản chung, nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Thanh N đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông N đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tường V đối với ông Nguyễn Thanh N; Về con chung: đề nghị giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần T, ông N không cấp dưỡng nuôi con; Về tài

sản chung và nợ chung: Bà V xác định không có. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh N có đăng cư trú tại địa chỉ K40/H7/x đường N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh N.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Tường V và ông Nguyễn Thành N đăng ký kết hôn vào năm 202x tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q (Số xx/202x ngày 25 tháng 6 năm 202x). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa, bà V vắng mặt nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện: bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà V giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tường V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Thanh N vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của bà V thì vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn đã nhiều năm nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được, thực tế hôn nhân giữa bà V và ông N không tồn tại. Nay bà V xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. Phần trình bày của bà V phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương, là "...thời điểm dịch vợ chồng về quê sinh sống, sau khi hết dịch chỉ có ông N ra thuê lại nhà để ở cho đến nay, không có bà V...". Bản thân ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng nhưng ông vẫn không đến tòa án để giải quyết vụ án, chứng tỏ ông cũng không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân của bà V và ông N như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, nên căn cứ các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tường V đối với ông Nguyễn Thanh N là phù hợp.

- Về con chung: Bà Trần Thị Tường V xác định bà và ông Nguyễn Thanh N có 01 con chung là Nguyễn Trần T– sinh ngày 29 tháng 5 năm 202x. Ly hôn, bà V

yêu cầu bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà V thì thấy: Cháu Nguyễn Trần T đến nay được 39 tháng tuổi, từ trước đến nay đều do bà V chăm sóc, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tường V xác định bà và ông Nguyễn Thanh N không có tài sản chung, ông N vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Tường V xác định bà và ông Nguyễn Thanh N không có nợ chung, ông N vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Tường V phải chịu: 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tường V về việc:*"Ly hôn, nuôi con"* đối với ông Nguyễn Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Bà Trần Thị Tường V được ly hôn ông Nguyễn Thanh N.

2. Về quan hệ con chung:

Bà Trần Thị Tường V xác định bà và ông Nguyễn Thanh N có 01 người con tên là: Nguyễn Trần T– sinh ngày 29 tháng 5 năm 202x.

Xử: Giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trần T cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Khi vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Tường V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình bà V đã nộp theo biên lai thu số 0007373 ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thanh Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**